

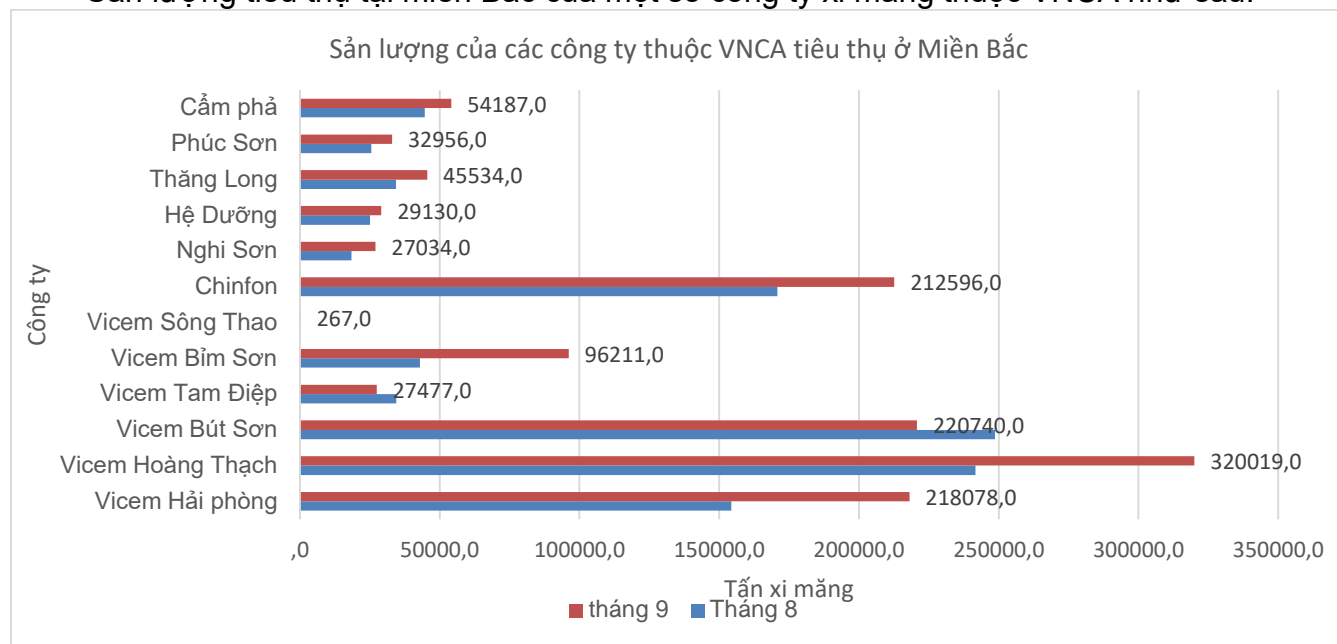
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 9/2019

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thi trường xi măng miền Bắc:

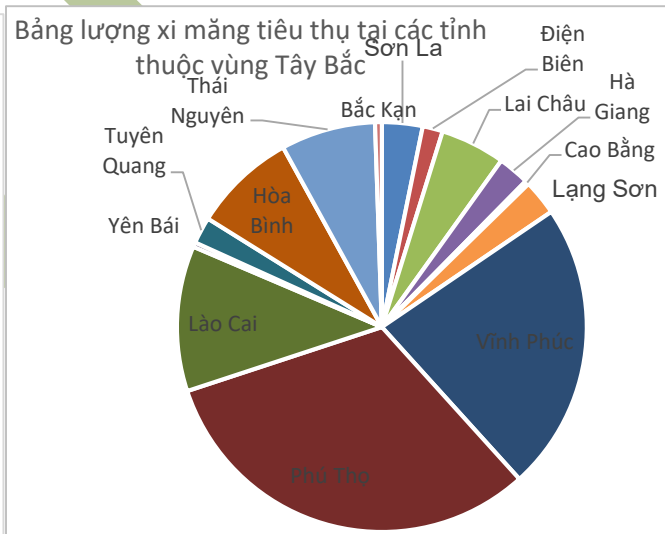
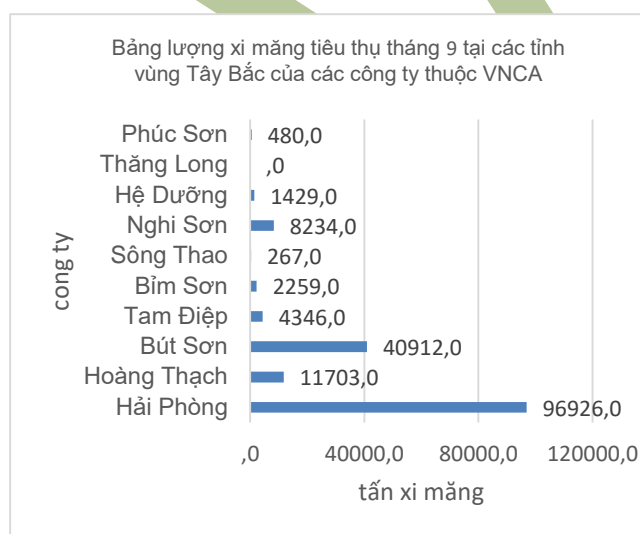
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 9 là: 2.397.283 tấn (tháng 8 là 2.084.912 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

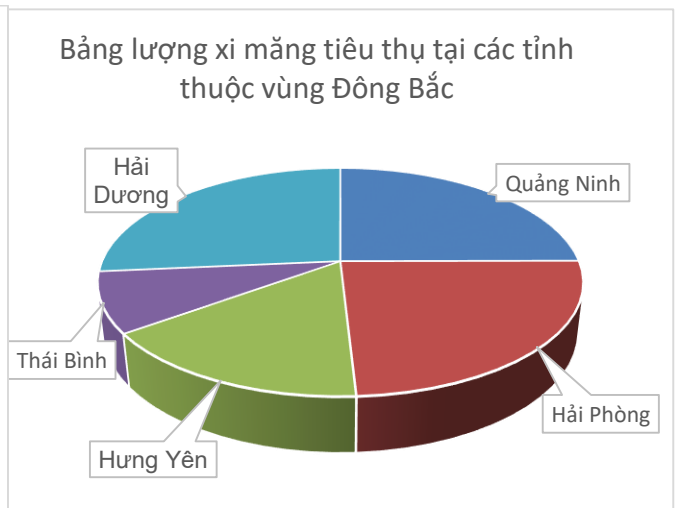
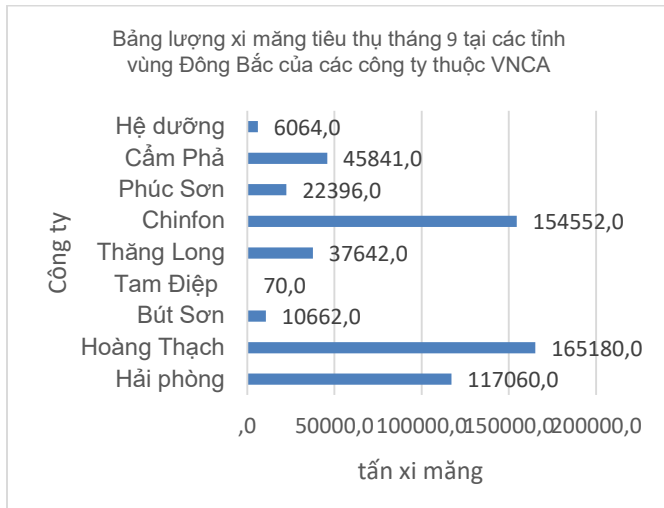


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 9 như sau:

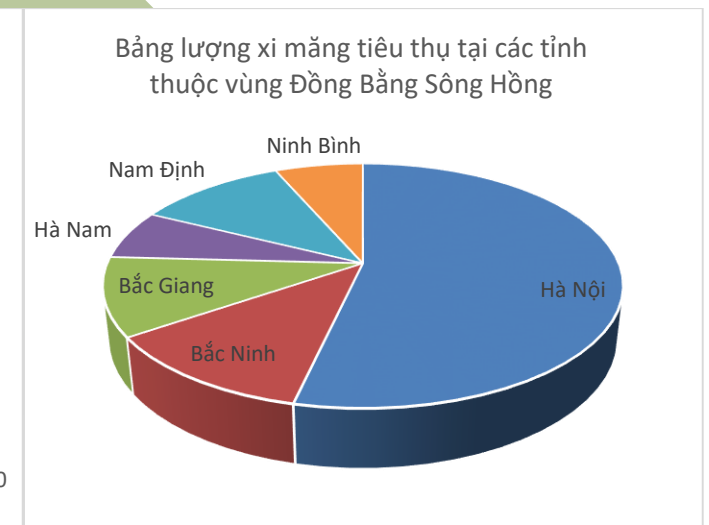
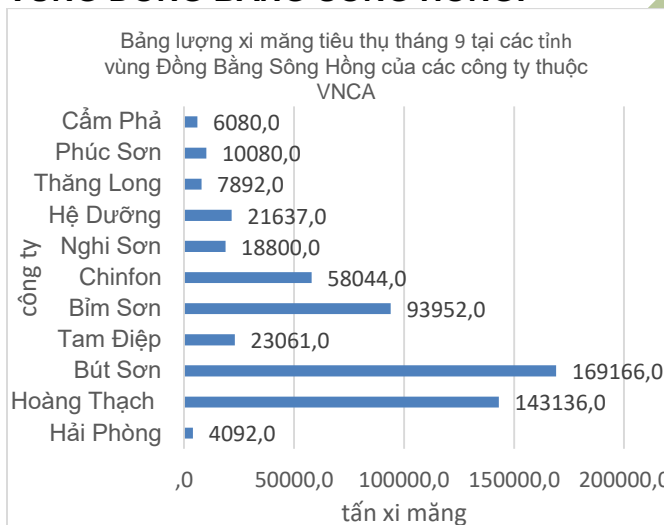
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên đĩa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chủ chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)

- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình: - XM Chinfon: 1.450 - XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn: - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.350

- XM Hoàng Thạch: 1.440

-XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên: - XM La Hiên: 1.240

- XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh: - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chinfon: 1.350

- XM Lam Thạch : 1.200

- XM Thăng Long PCB 40 1.350

- XM Hạ Long PCB 40 1.360

-XM Cầm phả PCB 40 1.300

6. Tại Bắc Ninh: - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 -XM Cầm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.400

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.370 - Hoàng Thạch: 1.420

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.350	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.390 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.490 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

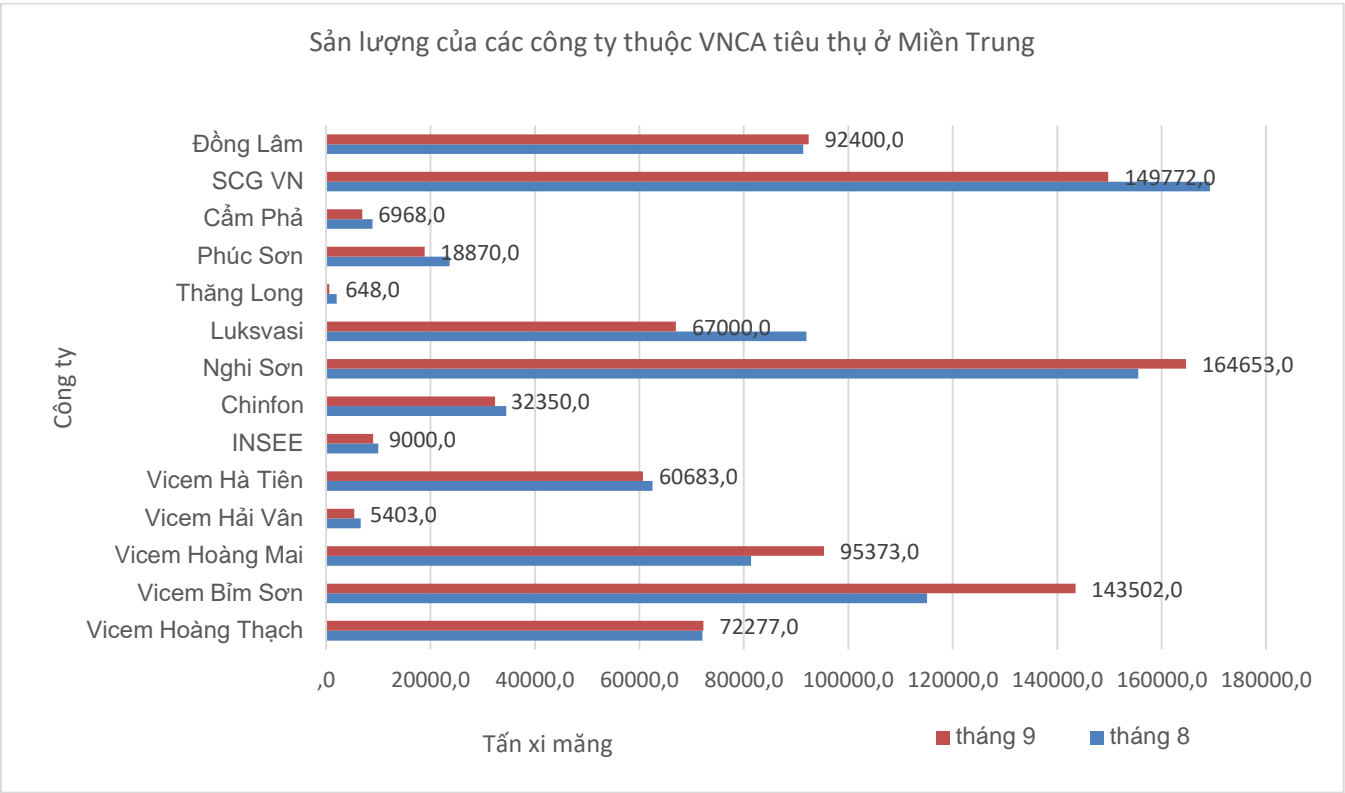
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.420 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

II. Thị trường xi măng miền Trung:

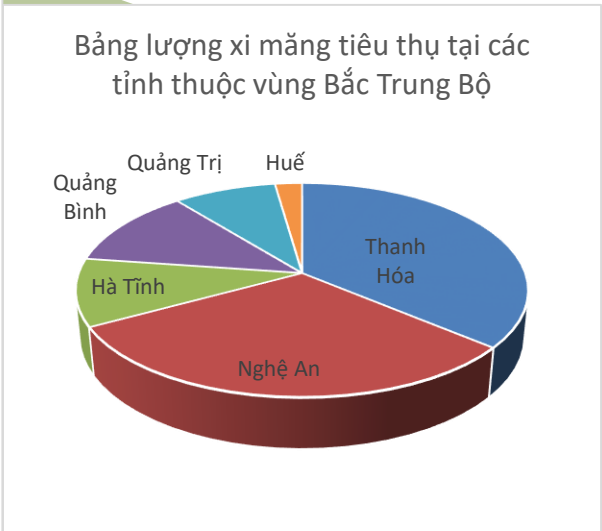
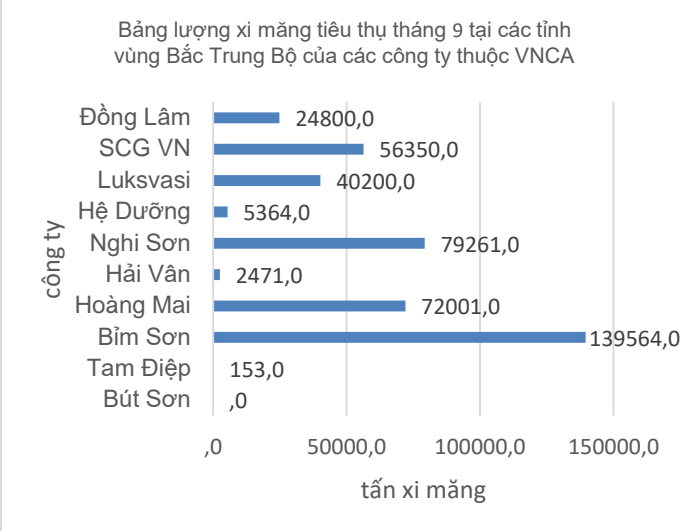
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 9: 1.285.590 tấn (tháng 8 là 1.261.868 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

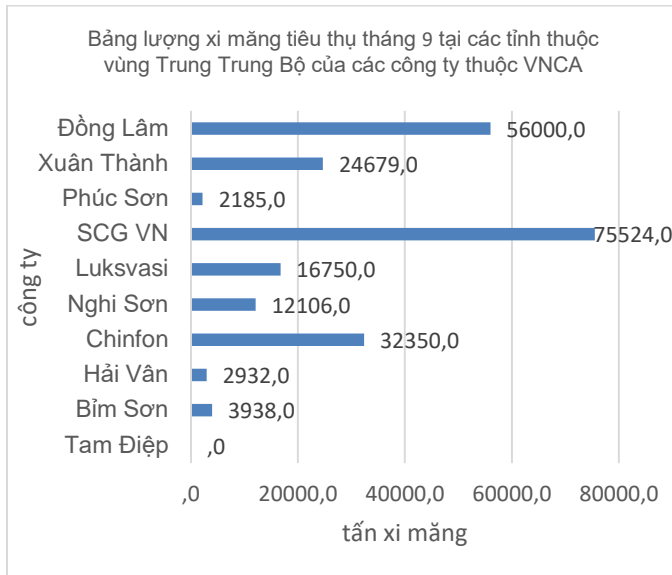


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 9/2019 như sau:

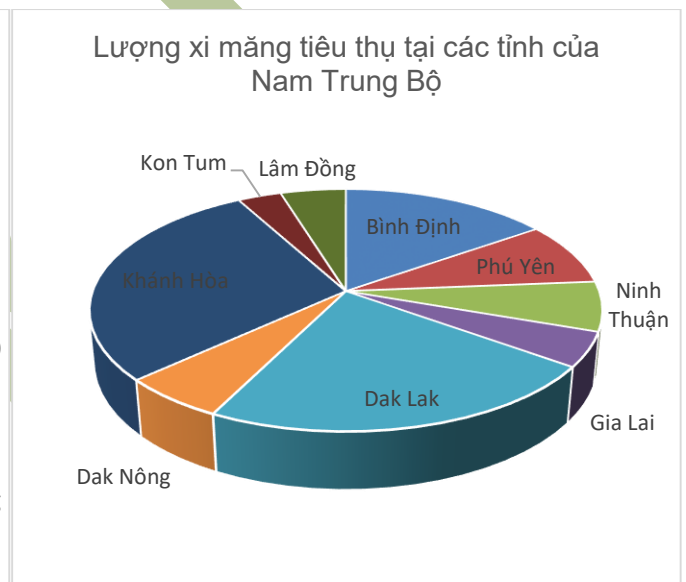
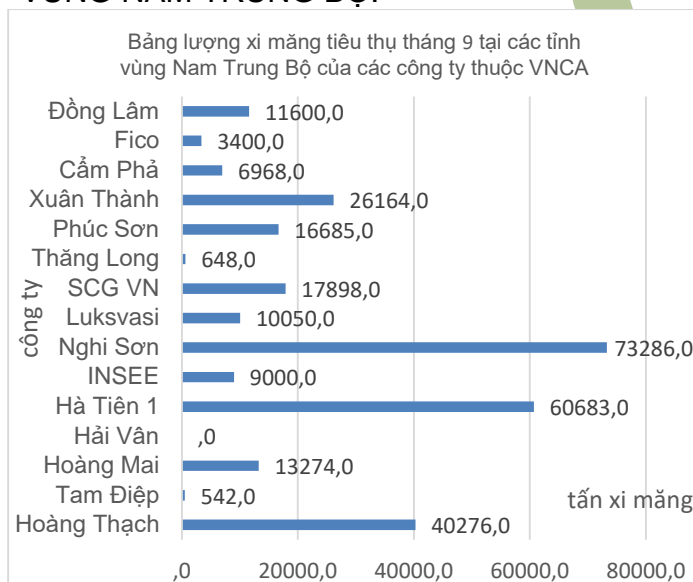
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

*** Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830

- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730

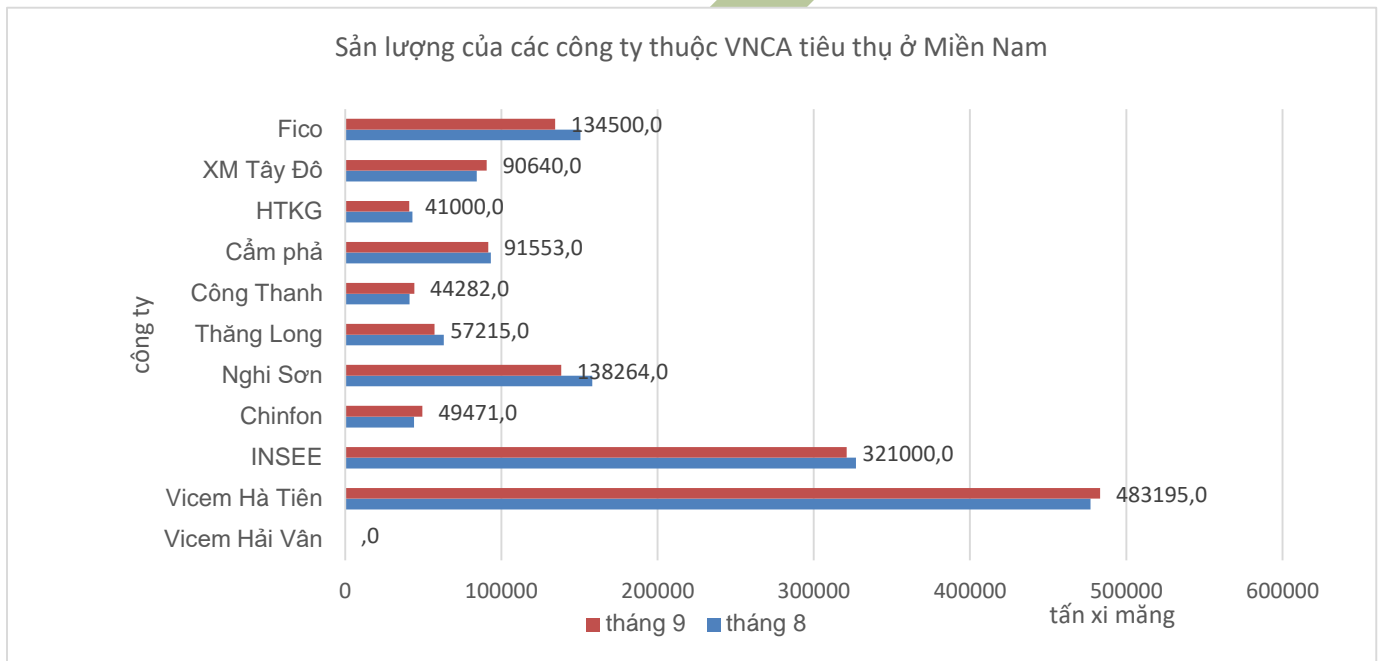
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

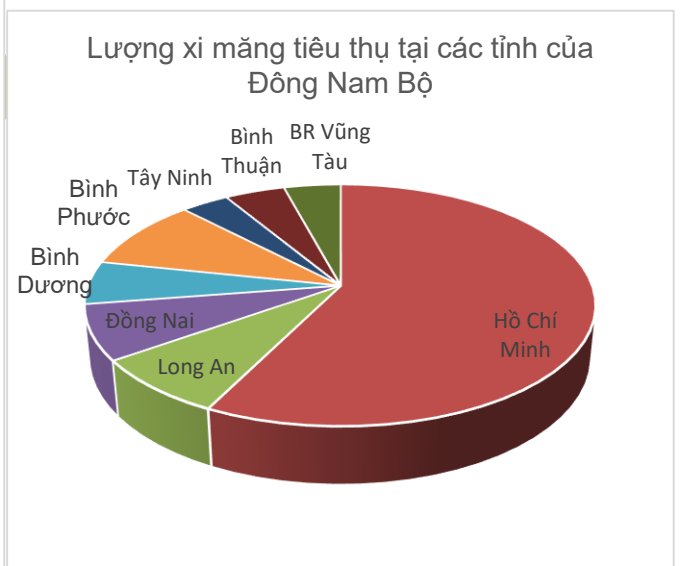
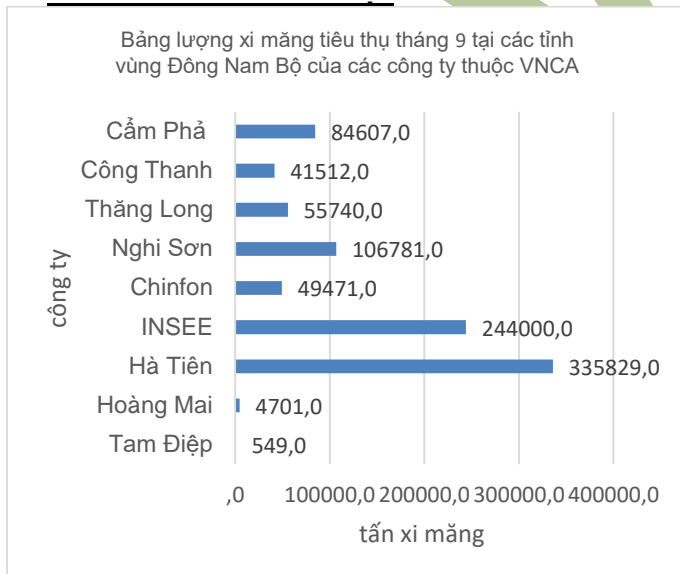
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.854.350 tấn (tháng 8 là 1.828.500 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

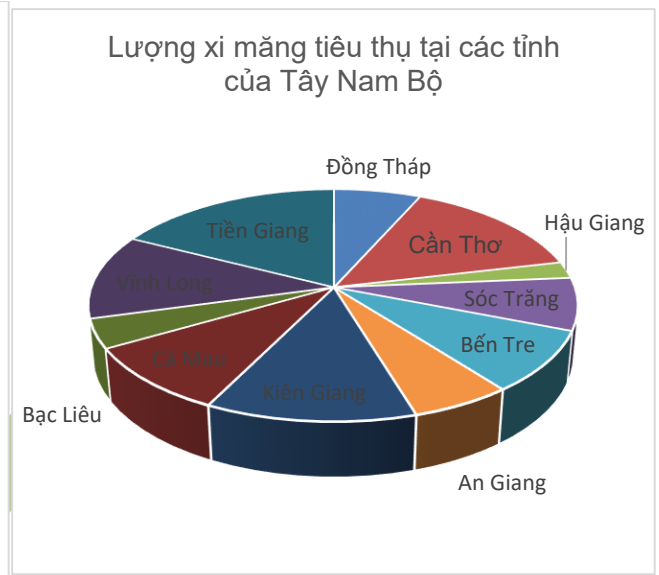
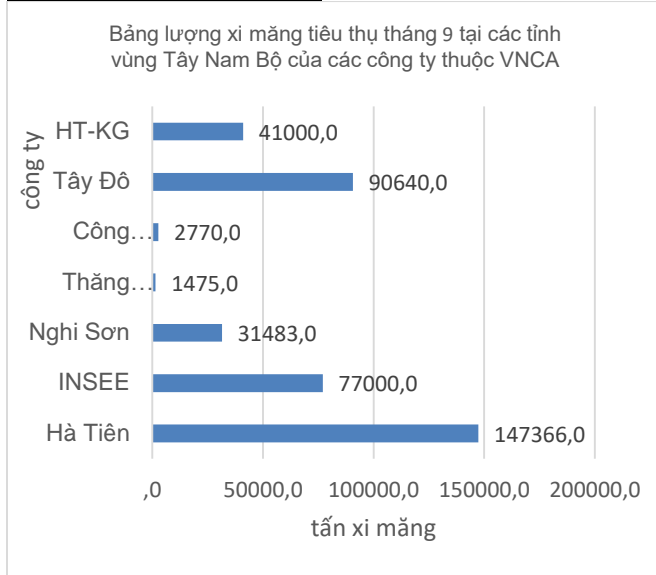


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 9/2019 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.530
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

*** Giá xi măng tại Kiên Giang:**

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
- XM Hà Tiên-Kiên Giang (cả sấu) tại kho: 1.290
- PCB 40: 1.390

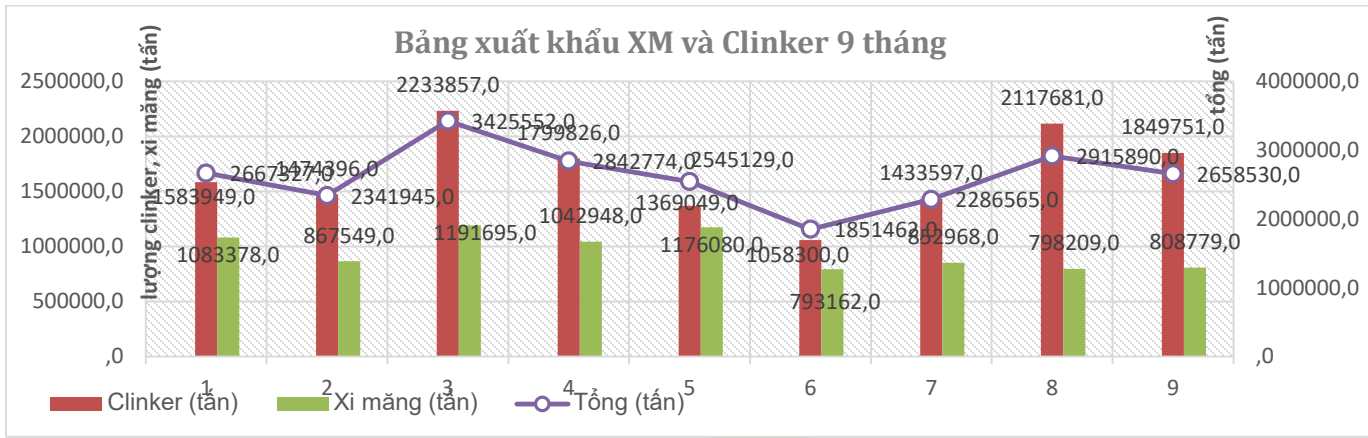
Nhận xét chung thị trường nội địa:

Về giá xi măng: Cuối tháng 9 một số công ty đã điều chỉnh giá bán tăng khoảng 30.000đ/tấn do chi phí sản xuất tăng.

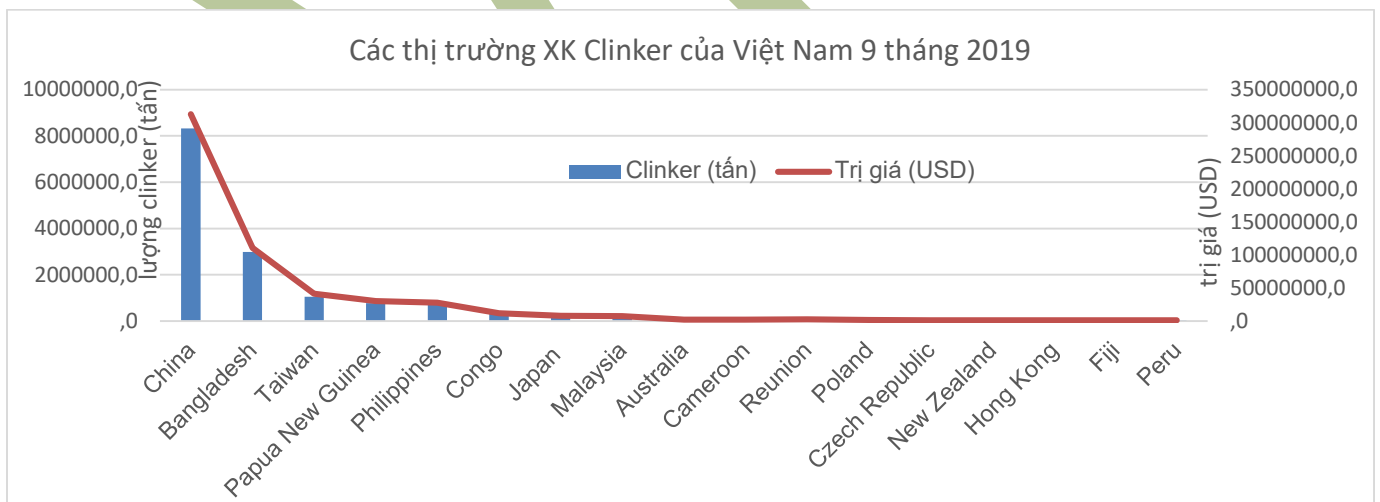
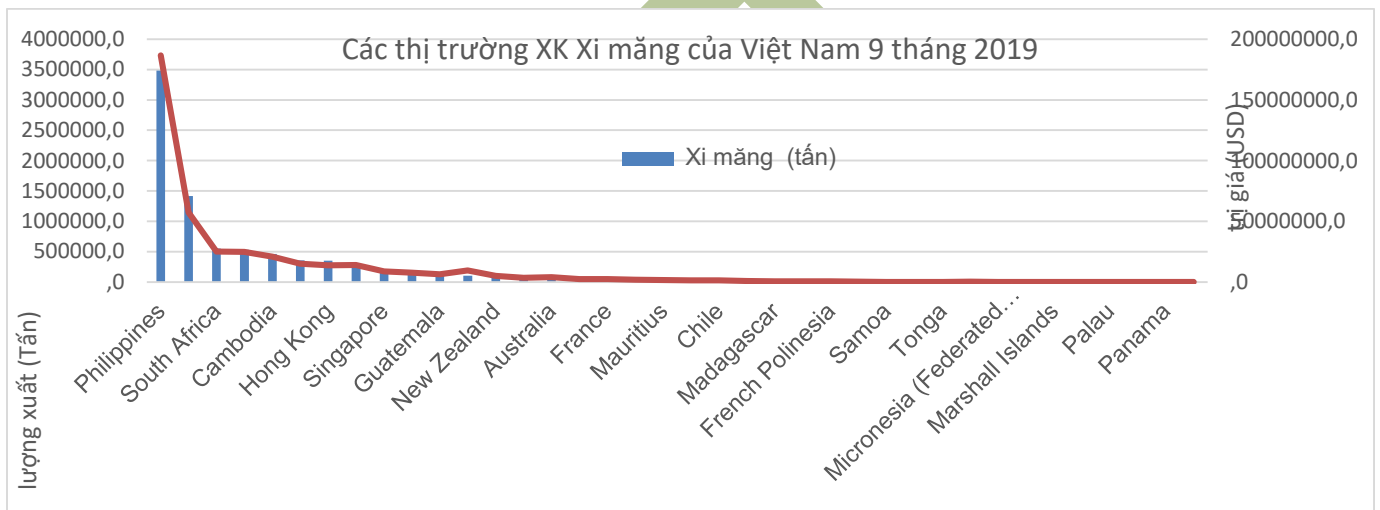
Tồn kho cuối tháng 8: Xi măng: 0,65 triệu tấn; clinker: 1,9 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

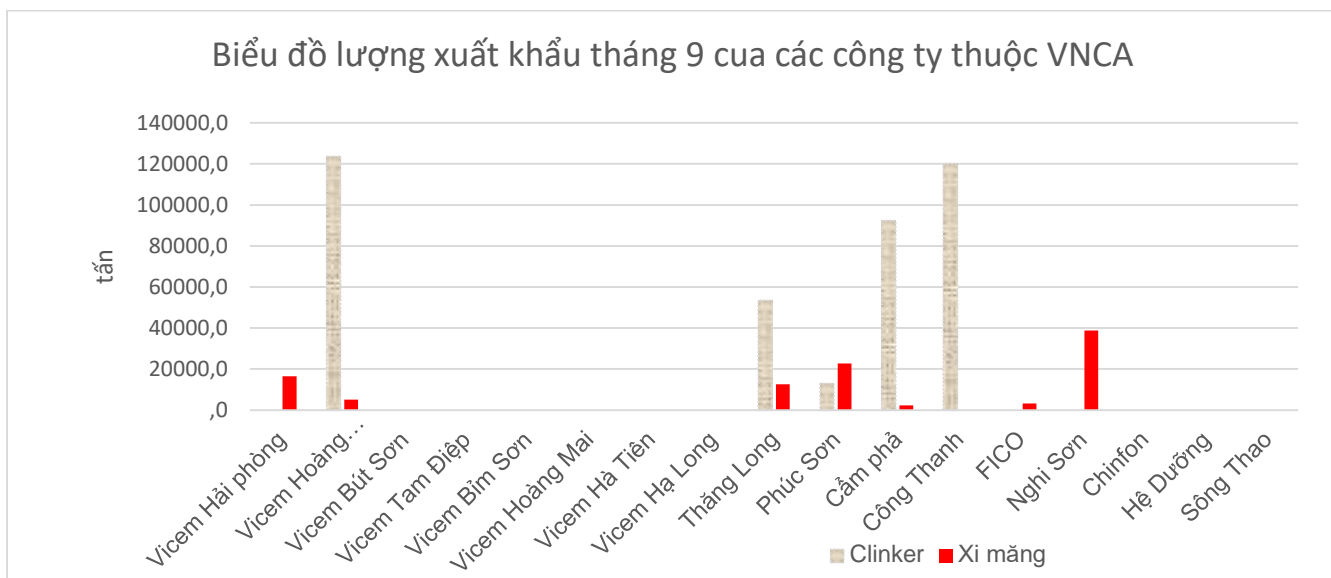
1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 9 như sau:



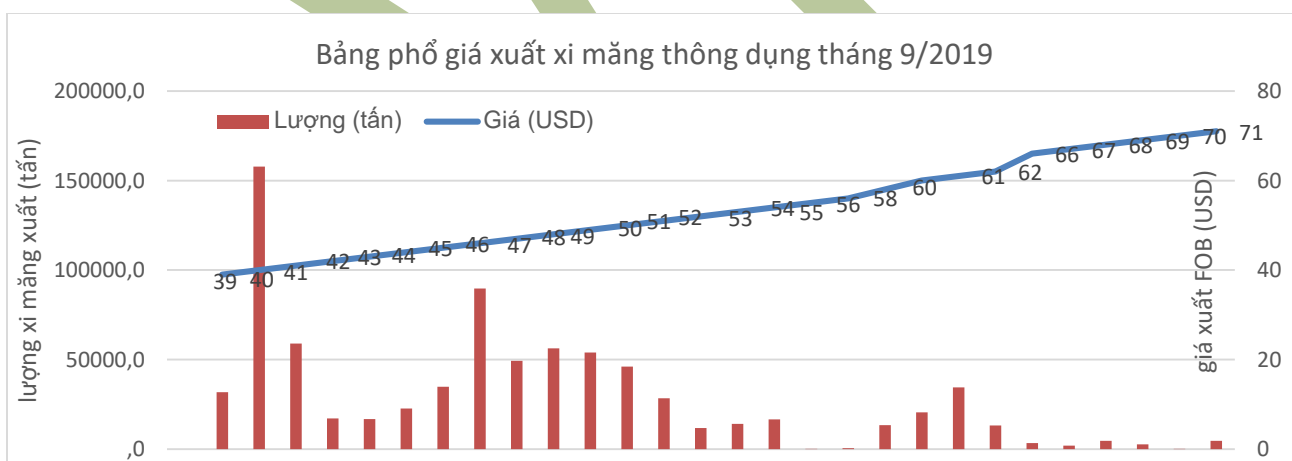
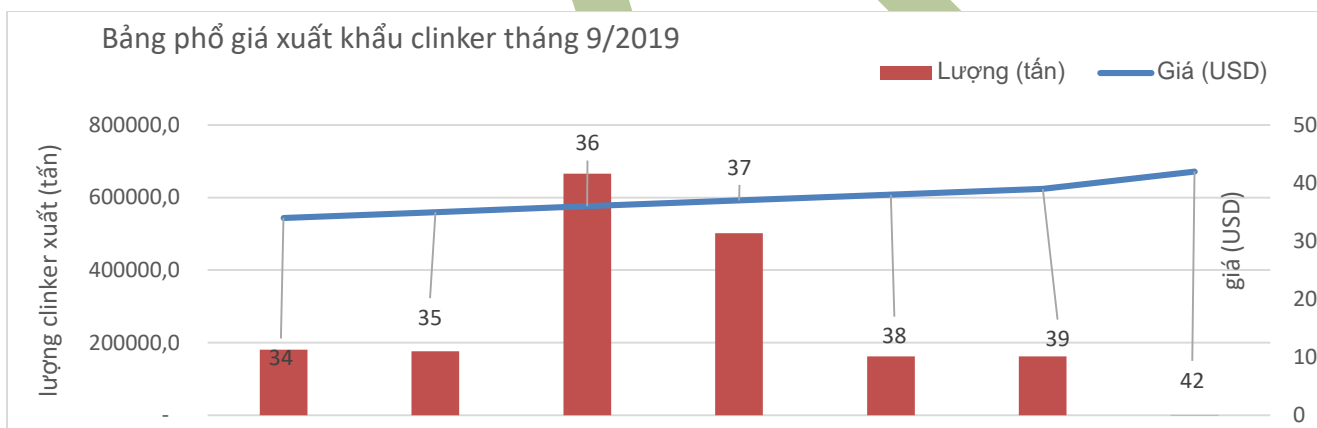
2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 9 tháng 2019:



3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 9 như sau:



C- SX THÁNG 9, KẾ HOẠCH THÁNG 10/2019 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2019

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 9/2019	Lũy kế SX xi măng 2019	Kế hoạch TTND T10/2019	Lũy kế TTND năm 2019
A	Khối VICEM	2,033,940	18,632,793	2,301,000	16,199,729
1	Vicem Hải Phòng	124,000	945,411	250,000	1,133,964
2	Vicem Bỉm Sơn	244,637	2,622,996	355,000	1,983,878
3	Vicem Hoàng Thạch	273,000	2,321,046	425,000	2,929,597
4	Vicem Bút Sơn	173,915	2,421,253	330,000	2,283,351
5	Vicem Hà Tiên	547,000	4,977,202	660,000	5,193,016
6	Vicem Hải Vân	60,000	513,533	5,000	218,831
7	Vicem Hoàng Mai	161,300	1,167,834	170,000	957,295
8	Vicem Tam Điệp	160,648	1,208,085	6,000	367,063
9	Vicem Hạ Long	196,000	1,746,914	100,000	686,723
10	Vicem Sông Thao	93,440	708,520		446,011
B	Khối LD	1,656,693	15,083,647	1,599,689	13,116,347
1	XM Nghi Sơn	371,773	3,415,216	361,200	3,093,048
2	XM Chinfon	274,920	2,764,951	340,309	2,591,584
3	Siam City Cement	390,000	3,700,000	400,000	3,161,000
4	XM Luks(Vietnam)	120,000	1,075,000	90,000	829,000
5	XM Thăng Long	150,000	1,220,000	110,000	877,707
6	XM Hệ Dưỡng	60,000	419,480	47,880	369,725
7	SCG VN	210,000	1,805,000	200,000	1,704,450
8	XM Phúc Sơn	80,000	684,000	50,300	489,833
C	Khối các Cty xm khác	2,700,000	23,150,000	2,500,000	18,736,000
	Toàn XH: (A+B+C)	6,390,633	56,866,440	6,400,689	48,052,076

Đánh giá:

- TTND tháng 9: 5.537.223 tấn tăng 4% với cùng kỳ năm 2018, bằng 107% so với tháng 8/2019.
- Tiêu thụ nội địa 9 tháng đầu năm 2019: 48.052.076 tấn tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018.
- Xuất khẩu tháng 9: 2.658.530 tấn (trong đó xi măng 808779 tấn và clinker là 1.848.751 tấn) giảm 4% so với cùng kỳ 2018, giảm 9% so với tháng 8/2019.
- Xuất khẩu 9 tháng/2019 bằng 99% so với cùng kỳ năm 2018
- TTND và xuất khẩu tháng 9: 8.195.753 tấn bằng 102 % so với cùng kỳ năm 2018, tăng 1% so với tháng 8/2019.
- Lũy kế TTND và xuất khẩu 9 tháng năm 2019: 71.587.250 tấn bằng 101% so với cùng kỳ năm 2018.